

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/2020/DS-ST

Ngày 31/7/2020

V/v “*Tranh chấp HĐ vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Đức

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Vĩnh Mai

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.**

Ngày 31/7/2020, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-DS ngày 17/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 61/2020/QĐST-DS ngày 10/7/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thúy Ng, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Số nhà X, đường K, phường Kh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Kim Th, sinh năm: 1975 - (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số nhà Y, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**\* Bị đơn:** Bà Võ Thị Kim Kh, sinh năm: 1975 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976 - (*Điều vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Tổ liên gia Z, khối K, phường Kh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà L, đường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***1. Nguyên đơn - Bà Trần Thị Thúy Ng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 30/01/2019, bà Trần Thị Thúy Ng có cho vợ chồng bà Võ Thị Kim Kh và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 80.000.000 đồng để có vốn buôn bán; Việc vay mượn có lập Giấy vay tiền và các bên ký xác nhận; Thời gian vay là 06 tháng, hạn trả nợ vào ngày 30/7/2019; Các bên không ghi lãi suất, không cầm cố tài sản gì.

Tuy nhiên quá hạn trả nợ nhưng phía ông T và bà Kh không trả nợ và cố ý né tránh, không gặp. Mặc dù bà Ng đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở và tìm gặp nhiều lần nhưng không có thiện chí trả nợ cho bà Ng.

Do đó nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu ông T và bà Khanh trả số tiền 80.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn thấy do có khó khăn chung nên tạo điều để bị đơn thêm thời gian trả nợ và không tiếp tục yêu cầu ông T và bà Kh trả phần lãi suất từ trước tới nay. Tuy nhiên phía bị đơn không hợp tác, không hòa giải thành.

Nay phía nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Kim Kh và ông Nguyễn Văn T trả số tiền nợ là 80.000.000 đồng và lãi suất trong quá trình thi hành án theo quy định của pháp luật.

***\* Bị đơn - Bà Võ Thị Kim Kh tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải trình bày:***

Ngày 30/01/2019 vợ chồng tôi là Võ Thị Kim Kh và ông Nguyễn Văn T có vay số tiền 80.000.000 đồng của bà Trần Thị Thúy Ng để có vốn buôn bán. Việc vay mượn có lập Giấy vay tiền và ký xác nhận các bên. Thời gian vay là 06 tháng, hạn trả nợ vào ngày 30/7/2019. Do kinh tế khó khăn nên chúng tôi chưa trả được nợ mặc dù bà Ng đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả số tiền 80.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật thì chúng tôi hoàn toàn thừa nhận số nợ trên nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên mong bà Nga tạo điều kiện miễn lãi để chúng tôi trả dần. Tôi xin mỗi tháng sẽ trả 4.000.000 đồng tiền nợ gốc, thời gia trả từ tháng 6 và ngày 22 hàng tháng.

**NHẬN ĐỊNH**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung đơn khởi kiện và việc xác nhận của bị đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Bị đơn có nơi cư trú tại TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về thời hiệu khởi kiện:** Quá trình lập, ký giấy vay, nhận nợ ngày 30/01/2019 các bên thỏa thuận thời gian vay là 06 tháng, hạn trả nợ là đến ngày 30/7/2019. Do đó căn cứ vào Điều 149, Điều 154 BLTTDS 2015 và Điều 429 BLDS 2015 thì việc khởi kiện của nguyên đơn là trong thời hiệu khởi kiện.

**[3]. Về thủ tục tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tuy nhiên chỉ có nguyên đơn và bị đơn - bà Kh có mặt, còn bị đơn - ông T không tham gia tố tụng; Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải thành được; Tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX giải quyết vắng mặt bị đơn - Bà Kh, ông T theo quy định của pháp luật.

**[4]. Về nội dung tranh chấp:** Nguyên đơn - bà Nga khởi kiện yêu cầu bị đơn - bà Kh, ông T có trách nhiệm trả hết số nợ gốc 80.000.000 đồng và lãi suất trong quá trình chậm thi hành án. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bà Kh cũng đã xác nhận: Ngày 30/01/2019 vợ chồng bà Kh và ông T có vay số tiền 80.000.000 đồng của bà Ng, hạn trả nợ là ngày 30/7/2019 nhưng kinh tế khó khăn nên chưa trả được nợ mặc dù bà Ng đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở. HĐXX xét thấy việc bà Kh xác nhận nội dung, số tiền, ngày vay, hạn trả nợ đúng như phía nguyên đơn khởi kiện. Việc xác lập, ký kết Giấy vay tiền và thực hiện vay tiền giữa các bên là tự nguyện, phù hợp quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện, bà Kh và ông T không thực hiện đúng thời hạn trả nợ là đã vi phạm hợp đồng vay tài sản, vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

**[5]. Về yêu cầu tính lãi suất:** Do khi vay, mượn các bên không ghi cụ thể thỏa thuận lãi suất; quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng đã thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu bà bị đơn trả lãi suất trong quá trình chậm thi hành án. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là tự nguyện và đúng pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

**[6]. Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Khanh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn - bà Kh và ông T phải chịu tiền án phí DSST là:  $80.000.000đ \times 5\% = 4.000.000$  đồng.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*

*Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã thay đổi của nguyên đơn - Bà Trần Thị Thúy Ng;

Buộc bị đơn - Bà Võ Thị Kim Kh và ông Nguyễn Văn T phải trả hết số tiền nợ gốc là: 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) cho bà Trần Thị Thúy Ng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về án phí:

Nguyên đơn - Bà Trần Thị Thúy Ng được nhận lại 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí do bà Vũ Thị Kim Th đã nộp thay theo biên lai số AA/2019/0005630 ngày 31/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn - bà Võ Thị Kim Kh và ông Nguyễn Văn T phải nộp 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký, đóng dấu)

**Vũ Văn Đức**